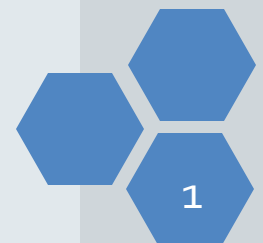
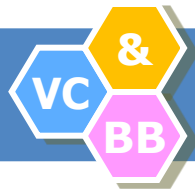




Thương mại điện tử

Thanh Toán Trực Tuyến

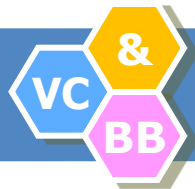




Nội dung

- ❖ **Giới thiệu**
- ❖ Thẻ thanh toán (Payment Card)
- ❖ Phân loại thẻ thanh toán.
- ❖ Cơ chế thanh toán qua mạng và rủi ro.
- ❖ Thành phần tham gia thanh toán qua mạng.
- ❖ Thực trạng thanh toán qua mạng.
- ❖ Tiền điện tử (Electronic Cash)
- ❖ Ví tiền điện tử (Electronic Wallet)



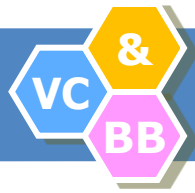


Giới thiệu

❖ Hình thức thanh toán

- Tiền mặt (cash)
- Séc (cheque, check)
- Chuyển tiền (electronic transfer)
- Chuyển khoản qua ngân hàng
- Thanh toán bằng hình thức tín dụng thư
- Thanh toán bằng thẻ tín dụng
- Thanh toán bằng thẻ mua hàng do DN phát hành
- Chuyển khoản bằng ATM tại Việt Nam
- Thẻ thanh toán
-

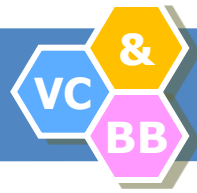




Nội dung

- ❖ Giới thiệu
- ❖ Thẻ thanh toán (Payment Card)
- ❖ Phân loại thẻ thanh toán.
- ❖ Cơ chế thanh toán qua mạng và rủi ro.
- ❖ Thành phần tham gia thanh toán qua mạng.
- ❖ Thực trạng thanh toán qua mạng.
- ❖ Tiền điện tử (Electronic Cash)
- ❖ Ví tiền điện tử (Electronic Wallet)





Thẻ thanh toán

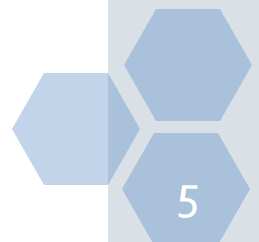
❖ Có nhiều khái niệm về thẻ thanh toán:

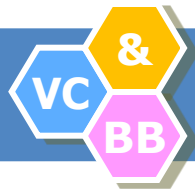
■ **Thẻ thanh toán (thẻ chi trả)**

- Là một phương tiện thanh toán tiền mua hàng hoá, dịch vụ hoặc có thể được dùng để rút tiền mặt tại các ngân hàng hoặc các máy rút tiền tự động

■ **Thẻ thanh toán**

- Là một phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt mà người chủ thẻ có thể thanh toán tiền mua hàng hoá, dịch vụ tại các điểm chấp nhận thanh toán bằng thẻ hoặc sử dụng để rút tiền mặt

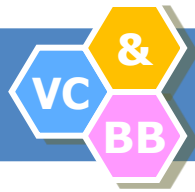




Nội dung

- ❖ Giới thiệu
- ❖ Thẻ thanh toán (Payment Card)
- ❖ **Phân loại thẻ thanh toán.**
- ❖ Cơ chế thanh toán qua mạng và rủi ro.
- ❖ Thành phần tham gia thanh toán qua mạng.
- ❖ Thực trạng thanh toán qua mạng.
- ❖ Tiền điện tử (Electronic Cash)
- ❖ Ví tiền điện tử (Electronic Wallet)





Phân loại thẻ thanh toán

❖ Phân loại theo công nghệ sản xuất:



■ Thẻ khắc chữ nổi (EmbossingCard)

- Dựa trên công nghệ khắc chữ nổi.
- Hiện nay người ta không còn sử dụng vì kỹ thuật quá thô sơ dễ bị giả mạo.

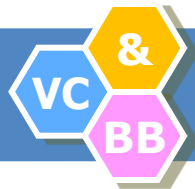
■ Thẻ băng từ (Magnetic stripe)

- Dựa trên kỹ thuật từ tính với hai băng từ chứa thông tin đăng sau mặt thẻ.
- Thẻ chỉ mang thông tin cố định, không gian chứa dữ liệu ít, không áp dụng được kỹ thuật mã hoá, bảo mật thông tin...



■ Thẻ thông minh (Smart Card)

- Đây là thế hệ mới nhất của thẻ thanh toán
- Được gắn một bộ mạch tích hợp có khả năng lưu trữ và xử lý thông tin.
- Nó có thể nhận dữ liệu, xử lý dữ liệu bằng các ứng dụng thẻ mạch tích hợp và đưa ra kết quả



Phân loại thẻ thanh toán

❖ Phân loại theo tính chất thanh toán

■ Thẻ tín dụng/thẻ ghi nợ (Credit Card)

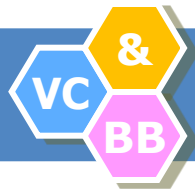
- Là loại thẻ được sử dụng phổ biến nhất
- Chủ thẻ được ứng trước một hạn mức tiêu dùng mà không phải trả tiền ngay, chỉ thanh toán sau một kỳ hạn nhất định
- Người ta còn gọi thẻ tín dụng là thẻ ghi nợ chậm trả



■ Thẻ có (Debit card)

- Được sử dụng để mua hàng hoá hay dịch vụ
 - Giá trị những giao dịch sẽ được khấu trừ ngay lập tức vào tài khoản của chủ thẻ
 - Thẻ ghi nợ còn được sử dụng để rút tiền mặt
- Ví dụ: Thẻ ghi nợ Connect 24 hours của Vietcombank





Phân loại thẻ thanh toán



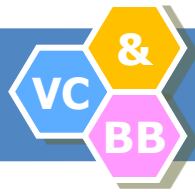
❖ Phân loại theo tính chất thanh toán:

■ Thẻ rút tiền mặt (Cash card)

- Rút tiền mặt tại các máy rút tiền tự động hoặc ở ngân hàng
- Chủ thẻ phải ký quỹ tiền gửi vào tài khoản ngân hàng

Có 2 loại thẻ:

- Chỉ rút tiền tại những máy tự động của Ngân hàng phát hành
- Rút tiền ở các Ngân hàng cùng tham gia tổ chức thanh toán với Ngân hàng phát hành thẻ



Phân loại thẻ thanh toán

❖ Phân loại theo phạm vi lãnh thổ:

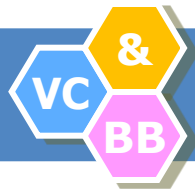
- Thẻ trong nước.
- Thẻ quốc tế.



❖ Phân loại theo chủ thẻ phát hành:

- Thẻ do ngân hàng phát hành (Bank Card).
- Thẻ do tổ chức phi ngân hàng phát hành.





Nội dung

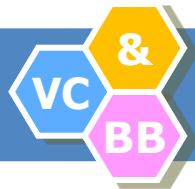
- ❖ Giới thiệu
- ❖ Thẻ thanh toán (Payment Card)
- ❖ Phân loại thẻ thanh toán.
- ❖ **Cơ chế thanh toán qua mạng và rủi ro.**
- ❖ Thành phần tham gia thanh toán qua mạng.
- ❖ Thực trạng thanh toán qua mạng.
- ❖ Tiền điện tử (Electronic Cash)
- ❖ Ví tiền điện tử (Electronic Wallet)





Cơ chế thanh toán qua mạng

- ❖ Trong thanh toán B2C qua mạng, đại đa số người mua dùng **thẻ tín dụng** để thanh toán
 - Thẻ tín dụng là loại thẻ Visa, MasterCard... có tính quốc tế, chủ thẻ có thể dùng được trên toàn cầu
 - Ở Việt Nam, cá nhân hay tổ chức có thể đăng ký làm thẻ tín dụng với nhiều ngân hàng như Vietcombank, ACB,...
- ❖ **Trên thẻ tín dụng thường có**
 - Hình, họ và tên chủ sở hữu thẻ
 - Số thẻ (ví dụ MasterCard có 16 chữ số)
 - Thời hạn của thẻ
 - Mặt sau thẻ có dòng số an toàn (security code) tối thiểu là ba chữ số
 - Một số thông số khác cùng với các chip điện tử hoặc vạch từ (magnetic stripe)
 - Chủ thẻ cũng được cung cấp PIN Code (Personal Information Number) để rút tiền



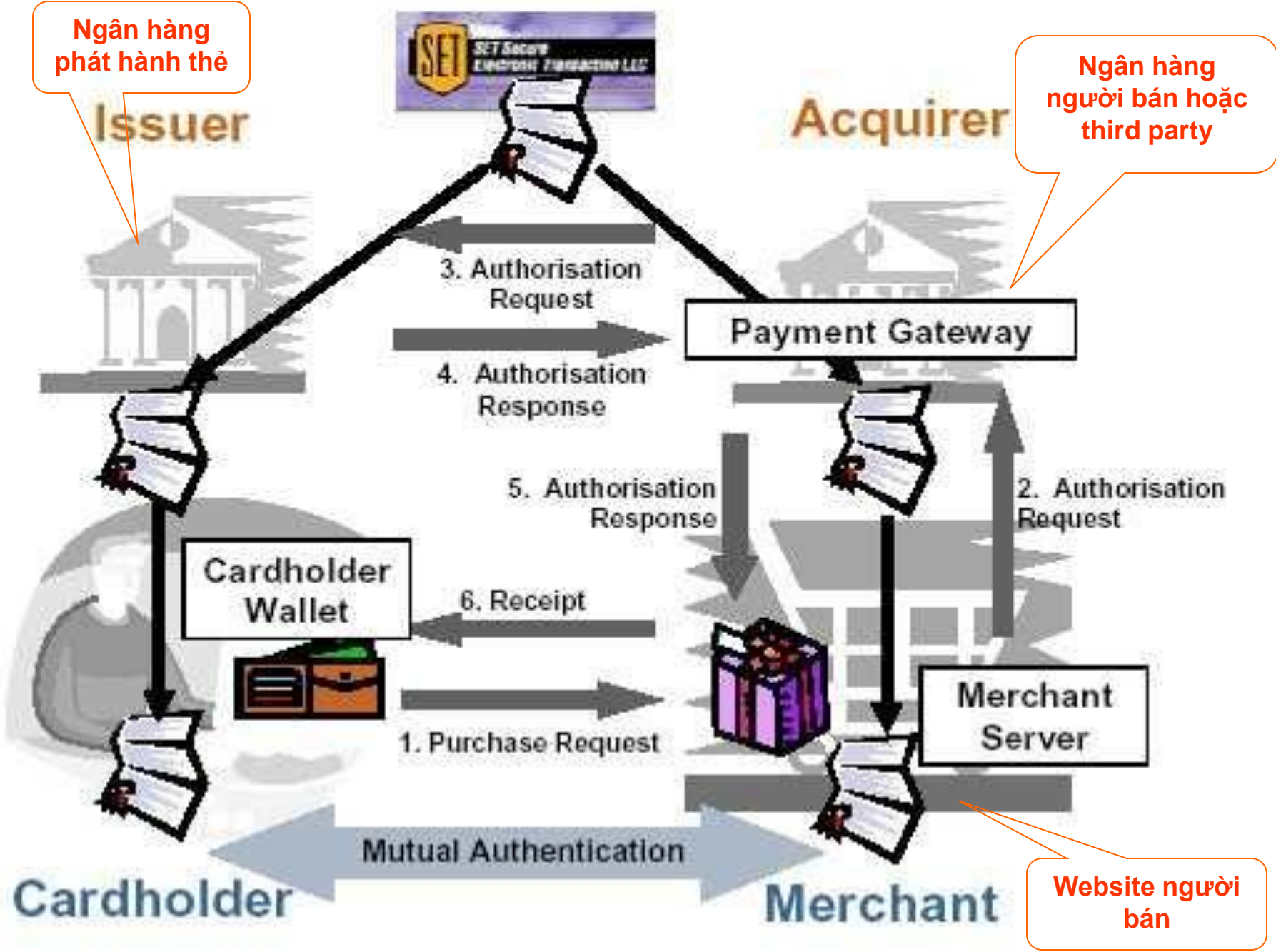
Cơ chế thanh toán qua mạng

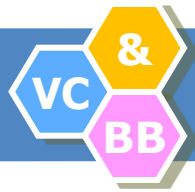
- ❖ Những **thông tin** về thẻ tín dụng người mua phải **khai báo** khi thực hiện việc mua qua mạng gồm:
 - **Số thẻ** (16 chữ số được in trên mặt trước thẻ)
 - **Họ tên** chủ sở hữu in trên thẻ
 - **Thời hạn** hết hạn của thẻ, in trên mặt trước
 - **Mã số an toàn** (security code) là ba chữ số cuối cùng in trên mặt sau của thẻ (optional)
 - **Địa chỉ** nhận hóa đơn thanh toán việc sử dụng thẻ do ngân hàng gửi cho chủ thẻ (optional)
- ❖ Hiện giao thức thanh toán qua mạng được sử dụng phổ biến là SET (Secure Electronic Transaction)
 - SET giúp cho giao dịch điện tử an toàn, do Visa và Master Card phát triển năm 1996



Cơ chế thanh toán qua mạng

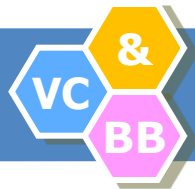
- ❖ Xử lý thanh toán bằng thẻ gồm có **2 giai đoạn**
 - **Chứng thực** quyền sử dụng (authorization)
 - Thẻ vẫn đang hoạt động
 - Khách hàng có đủ tiền để thanh toán
 - **Thanh toán** (settlement)
 - Chuyển tiền
- ❖ Cách thức **xử lý** tùy thuộc vào
 - **Loại thẻ**
 - **Hệ thống thanh toán** mà người bán sử dụng
 - Có phần mềm thanh toán riêng
 - Phần mềm POS của ngân hàng
 - Phần mềm POS của nhà cung cấp dịch vụ thanh toán





Giải thích qui trình thanh toán

1. Người mua đặt lệnh mua trên website của người bán
2. Thông tin thẻ tín dụng của người mua được chuyển thẳng đến ngân hàng của người bán hoặc bên thứ ba (Third Party)
3. Ngân hàng của người bán hoặc Bên thứ ba này sẽ kiểm tra tính hợp lệ của thẻ với ngân hàng nơi phát hành thẻ
4. Ngân hàng phát hành thẻ sẽ phản hồi cho ngân hàng của người bán hoặc bên thứ ba về tính hợp lệ của thẻ
5. Sau đó thông tin này được giải mã và gửi về cho người bán
6. Người bán dựa trên thông tin phản hồi này quyết định bán hay không bán
 - Nếu bán thì gửi email xác nhận+hóa đơn, văn bản cho người mua
 - Nếu không giao dịch kết thúc & gửi mail cho người mua nêu rõ lý do



Cơ chế thanh toán qua mạng

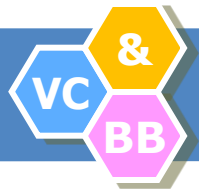
❖ Sự khác biệt giữa người bán có Merchant Account và không có:

■ Người bán có Merchant Account

- Việc xin Merchant Account không phải dễ dàng
- Phải có ký quỹ cho ngân hàng
- Phải có bằng chứng đảm bảo uy tín kinh doanh trên mạng

■ Người bán không có Merchant Account

- Nhiều công ty xin Merchant Account để cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng cho các doanh nghiệp khác
- Những công ty này được gọi là Third Party (Bên thứ ba) hoặc Online Payment Processor (Nhà xử lý thanh toán qua mạng)

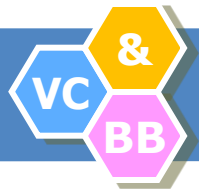


Cơ chế thanh toán qua mạng

❖ Rủi ro trong thanh toán qua mạng

- Một người mua dùng thẻ tín dụng của người khác trái phép để mua hàng qua mạng
- Chủ thẻ (cardholder) phát hiện và khởi kiện với ngân hàng phát hành thẻ và đưa ra bằng chứng mình không hề thực hiện giao dịch đó
- Thiệt hại cuối cùng thuộc về người bán: không thu tiền + chi phí điều tra

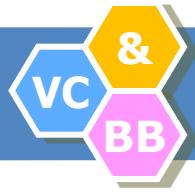




Nội dung

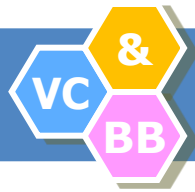
- ❖ Giới thiệu
- ❖ Thẻ thanh toán (Payment Card)
- ❖ Phân loại thẻ thanh toán.
- ❖ Cơ chế thanh toán qua mạng và rủi ro.
- ❖ **Thành phần tham gia thanh toán qua mạng.**
- ❖ Thực trạng thanh toán qua mạng.
- ❖ Tiền điện tử (Electronic Cash)
- ❖ Ví tiền điện tử (Electronic Wallet)





Các bên tham gia thanh toán

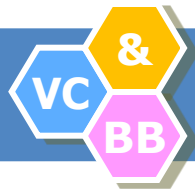
- ❖ Khách hàng
- ❖ Ngân hàng phát hành thẻ
- ❖ Người bán
- ❖ Ngân hàng của người bán
- ❖ Công ty cung cấp dịch vụ thẻ cho ngân hàng
 - Visa, Master
- ❖ Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán (Payment Service Provider - PSP)
 - VeriSign, PayPal, CyberSource...



Người bán

- ❖ Thanh toán trực tuyến bằng thẻ tín dụng thường dành cho giao dịch qua mạng dạng B2C
- ❖ Các bước cần làm đối với người bán:
 - Mua qua mạng **dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng** thông qua thẻ tín dụng
 - **Mở một tài khoản** thanh toán (bằng USD) ở ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng gửi tiền về cho doanh nghiệp theo định kỳ qua tài khoản này
 - **Chọn một nhà cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng**, ví dụ: 2checkout (www.2checkout.com)





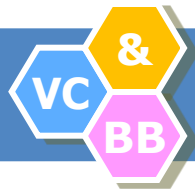
Người bán

❖ Cách tính phí dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng

- **Chi phí khởi tạo dịch vụ:** từ vài chục đến vài trăm USD, trả một lần duy nhất
- **Chi phí cho mỗi giao dịch** = chi phí cố định + % giá trị giao dịch

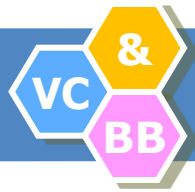
Ví dụ: 2checkout có mức phí khởi tạo là 49 USD và mức phí cho mỗi giao dịch là \$0.45 + 5.5% giá trị giao dịch





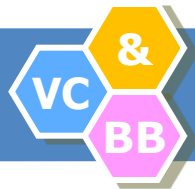
Người bán

- ❖ Những điều **lưu ý** khi thanh toán qua mạng:
 - Cần học hỏi những kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết để phòng chống **gian lận** trong thanh toán qua mạng
 - **Rủi ro** khi gặp gian lận trong thanh toán qua mạng: người bán không nhận được tiền + mất \$10 - \$30 cho mỗi giao dịch gian lận
 - Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán qua mạng gửi tiền cho người bán **theo định kỳ**, nhưng tổng giá trị giao dịch phải lớn hơn một mức quy định (*2checkout quy định mức \$600*)



Người mua

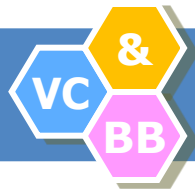
- ❖ Người mua hàng qua mạng, trước hết phải **có thể tín dụng** (Vietcombank, ACB,...)
- ❖ Dùng thẻ tín dụng có thể mua hàng hóa, dịch vụ qua mạng
- ❖ Một số **lưu ý** để người mua tự bảo vệ mình **khỏi mất tiền**
 - Khi chuẩn bị mua phải xem kỹ **website** bán có **nổi tiếng** không (ví dụ: Amazon thì tin tưởng hơn)
 - Nếu không phải là website nổi tiếng thì lưu ý:
 - **Địa chỉ** vật lý (physical address), số phone, số fax...
 - Đọc các **điều khoản mua bán** được đăng trên website như chính sách trả lại tiền, trả lại hàng
 - Cần mua thì nên xem **chỉ số Alexa** của website này: 200.000 (*Gần đây có sự mất mát để nâng chỉ số này*)



Người mua

❖ Một số lưu ý (tt):

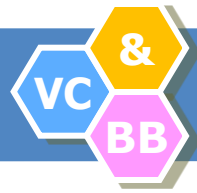
- Cần lưu **ý form yêu cầu** cung cấp thông số thẻ tín dụng:
 - Dòng **link** đã chuyển sang một domain khác?
 - **Domain** đó có nổi tiếng không (như 2checkout.com, worldpay.com, clickbank.com...)
- **Không** nên dùng **máy tính chung** để mua hàng tránh thẻ tín dụng bị Trojan theo dõi
- **Đừng** dễ dàng **cung cấp** thông tin thẻ tín dụng cho các web **site không tin tưởng**
- Nên **kiểm tra hóa đơn** của ngân hàng gửi đến theo định kỳ: xem có khoản chi nào không phải của mình?



Nội dung

- ❖ Giới thiệu
- ❖ Thẻ thanh toán (Payment Card)
- ❖ Phân loại thẻ thanh toán.
- ❖ Cơ chế thanh toán qua mạng và rủi ro.
- ❖ Thành phần tham gia thanh toán qua mạng.
- ❖ **Thực trạng thanh toán qua mạng.**
- ❖ Tiền điện tử (Electronic Cash)
- ❖ Ví tiền điện tử (Electronic Wallet)

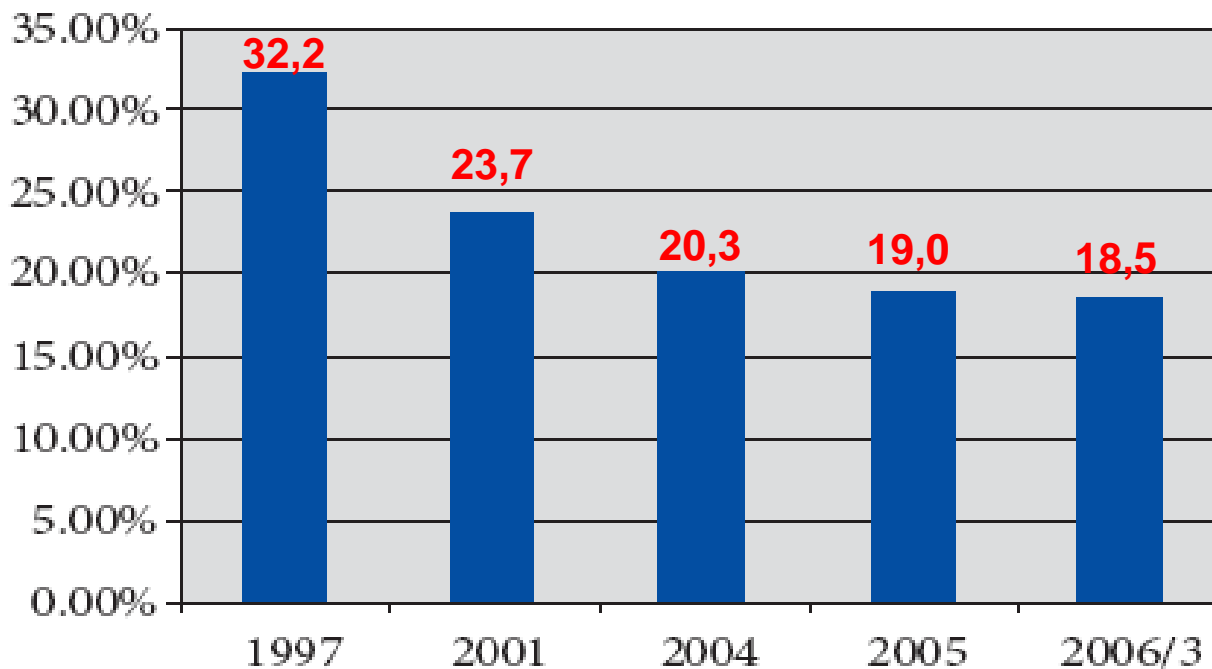




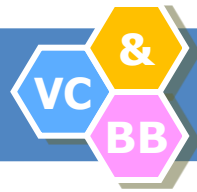
Thực trạng thanh toán qua mạng

- ❖ Thanh toán bằng tiền mặt: còn rất phổ biến trong các giao dịch hàng ngày

Tỷ trọng tiền mặt so với tổng phương tiện thanh toán

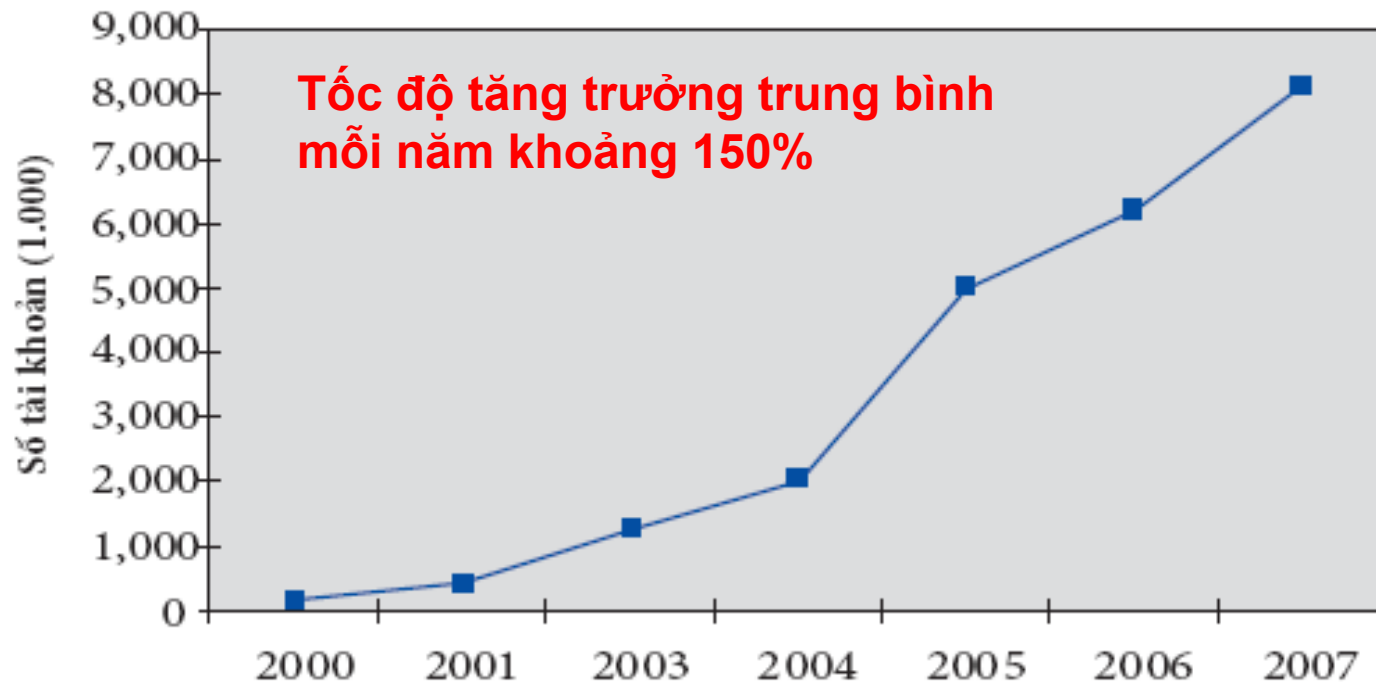


Nguồn: Đề án Thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020

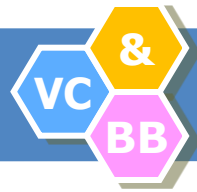


Thực trạng thanh toán qua mạng

❖ Số lượng tài khoản: tăng vọt trong giai đoạn 2000-2007



Nguồn: Ban Thanh toán - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tháng 9/2007



Thực trạng thanh toán qua mạng

❖ Thị trường thanh toán thẻ năm 2007:

- Số lượng thẻ phát hành **8,4tr** (so với 4tr năm 2006)
- Số lượng máy ATM: **4.300 máy** (so với 2.500 máy năm 2006)

Số lượng phát hành thẻ nội địa và quốc tế	8,4
Số ngân hàng phát hành thẻ	29
Số lượng máy ATM	4.300

- **Xu hướng:** liên kết các hệ thống thanh toán của nhiều ngân hàng khác nhau nhằm cắt giảm chi phí và tăng tính tiện dụng cho khách hàng, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành nói chung.

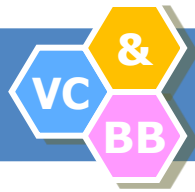


Ngân hàng với TTĐT

DV NH trực tuyến (**Internet Banking**)

❖ Một Internet Banking có những **tính năng thông tin và tính năng thanh toán hoá đơn** như:

- Tra cứu số dư tài khoản
- Tra cứu thông tin ngân hàng
- Sao kê tài khoản hàng tháng
- Tra cứu các thông tin khác của ngân hàng
- Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống
- Thanh toán hoá đơn



Ngân hàng với TTĐT

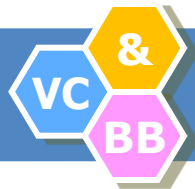
DV NH trực tuyến (Internet Banking)

- ❖ Số lượng ngân hàng triển khai Internet Banking tăng mạnh trong năm 2007:

Năm	Số lượng ngân hàng
2004	3
2005	5
2007	18

Nguồn: Ban Thanh toán - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tháng 9/2007

- ❖ Ngân hàng Đông Á tiên phong trong việc cung cấp các dịch vụ Internet Banking
 - Cuối 12/2007, số tài khoản đăng ký sử dụng đạt khoảng **150 nghìn**



Ngân hàng với TTĐT

DV nhắn tin ngân hàng (**SMS Banking**)

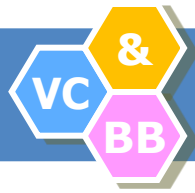
❖ Các tiện ích dịch vụ SMS Banking đang được triển khai bao gồm:

■ **Nhóm cung cấp thông tin:**

- (1) Số dư tài khoản
- (2) Liệt kê giao dịch của tài khoản
- (3) Lãi suất tiết kiệm; Tỷ giá tiền tệ; Địa điểm đặt máy ATM và phòng giao dịch
- (4) Hạn mức tín dụng; Tình hình hoạt động tín dụng; Thông tin về L/C và chứng từ thanh toán XNK.

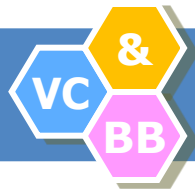
■ **Nhóm thanh toán:**

- (5) Chuyển khoản
- (6) Thanh toán thẻ tín dụng; Thanh toán hoá đơn; Mua hàng trực tuyến



Pacific Airlines bán vé trực tuyến

- ❖ Mục đích: cắt giảm chi phí hệ thống đại lý, tăng hiệu quả công tác quản lý lịch bay
- ❖ Thanh toán: trả trước bằng thẻ tín dụng quốc tế và thanh toán tiền mặt trả sau
- ❖ Kết quả:
 - Tiết kiệm được **50%** chi phí hạ tầng bán vé
 - 6 tháng đầu năm 2007 so cùng kỳ: **tăng 38%**
 - Hệ số sử dụng ghế **85%** (so với trước là 70%)



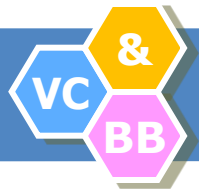
Mô hình ứng dụng TMĐT

123mua! với thanh toán điện tử

- ❖ Là website B2C hoạt động khá hiệu quả. Năm 2007: **2.500 đơn hàng/tháng**
- ❖ Thanh toán với nhiều hình thức

Tỷ lệ sử dụng của các hình thức thanh toán theo từng giai đoạn tại 123!mua

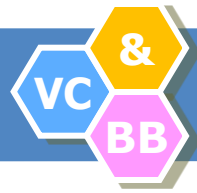
Hình thức	Tỷ lệ (%)		
	Trước 10/8/2007	Sau INT (10/8/2007)	Sau DAB (27/10/2007)
Thẻ trả trước VinaGame	89,5	71,5	52,2
Chuyển khoản qua ngân hàng	1,3	2,1	4,2
Chuyển tiền qua bưu điện	6,1	8,8	24,1
Giao hàng và lấy tiền	3,1	1,2	0,4
Thẻ Visa và Master Card (INT)		16,4	11,8
Thẻ đa năng Đông Á (DAB)			7,3



Nội dung

- ❖ Giới thiệu
- ❖ Thẻ thanh toán (Payment Card)
- ❖ Phân loại thẻ thanh toán.
- ❖ Cơ chế thanh toán qua mạng và rủi ro.
- ❖ Thành phần tham gia thanh toán qua mạng.
- ❖ Thực trạng thanh toán qua mạng.
- ❖ Tiền điện tử (Electronic Cash)
- ❖ Ví tiền điện tử (Electronic Wallet)

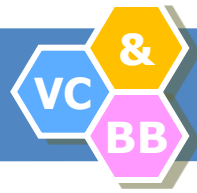




Tiền điện tử

- ❖ Thẻ thanh toán gặp **khó khăn**
 - Một số hàng hóa có **giá tiền quá ít** (dưới 5\$)
 - Báo tờ
 - Gửi e-card
- ❖ Có nhiều người dùng **không có thẻ tín dụng**
 - **Không có tài sản** để mở tài khoản
 - Thanh thiếu niên
 - Quen thuộc với thanh toán truyền thống

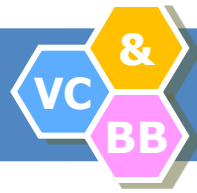
→ Tiền điện tử



Tiền điện tử

- ❖ Là một thuật ngữ nói đến **hệ thống trao đổi** và **lưu trữ giá trị** nào đó
 - Do một đơn vị cá nhân tạo ra
 - Không lưu hành toàn cầu được
 - **Không** sử dụng tiền giấy hay tiền kim loại
 - Được dùng để **thay thế** tiền thật trong quá trình mua hàng
 - Nếu có nhu cầu, có thể **đổi thành** tiền thật dễ dàng





Tiền điện tử

❖ Có 2 hình thức

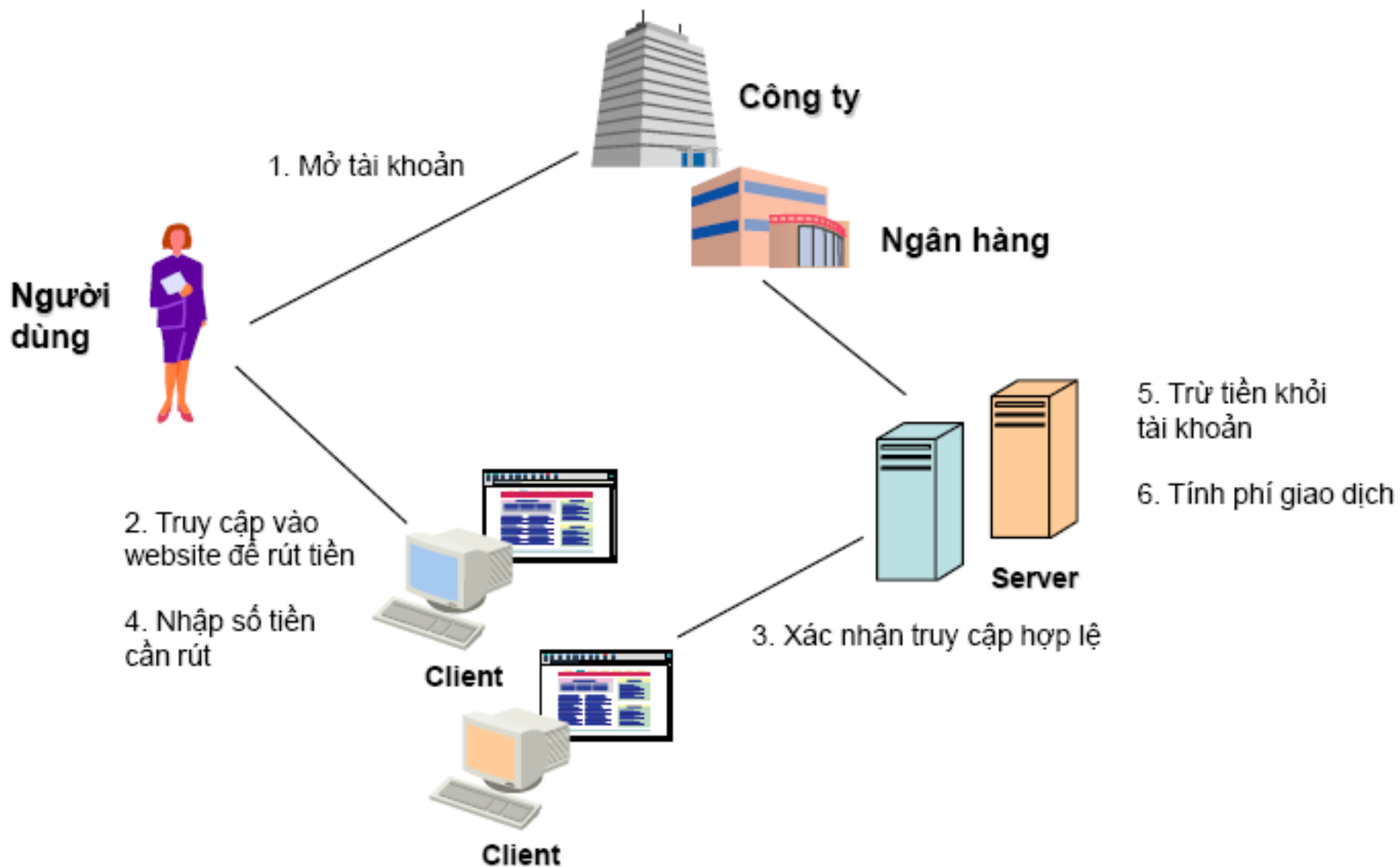
■ Online Cash

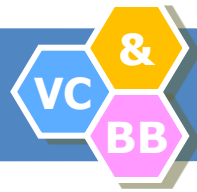
- Người mua **không** giữ tiền điện tử
- **Ngân hàng** điện tử, đơn vị đáng tin cậy, **giữ** tài khoản tiền mặt của người mua
- Ngân hàng của **người bán** sẽ liên hệ với ngân hàng của **người mua** để nhận tiền **thanh toán**.

■ Offline Cash

- **Người mua** giữ tiền
- **Không có ngân hàng** trung gian trong quá trình giao dịch

Tiền điện tử _ hoạt động

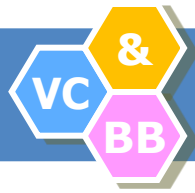




Tiền điện tử

❖ Ví dụ

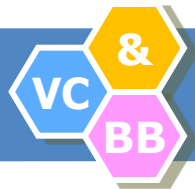
- PayPal
- CheckFree
- Clickshare
- InternetCash



Nội dung

- ❖ Giới thiệu
- ❖ Thẻ thanh toán (Payment Card)
- ❖ Phân loại thẻ thanh toán.
- ❖ Cơ chế thanh toán qua mạng và rủi ro.
- ❖ Thành phần tham gia thanh toán qua mạng.
- ❖ Thực trạng thanh toán qua mạng.
- ❖ Tiền điện tử (Electronic Cash)
- ❖ Ví tiền điện tử (Electronic Wallet)





Ví tiền điện tử

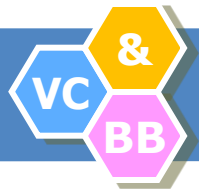
❖ Ý nghĩa **tương tự như ví tiền**, có thể chứa

- Tiền điện tử
- Thẻ thanh toán
- Thẻ bảo hiểm
- Hóa đơn thanh toán
- Thông tin cá nhân
- ...



❖ Giúp người dùng **thanh toán điện tử nhanh**

- Không phải nhập thông tin
 - Địa chỉ gửi hóa đơn, địa chỉ giao hàng
 - Thông tin thẻ tín dụng, thông tin người mua



Ví tiền điện tử

❖ Có 2 loại

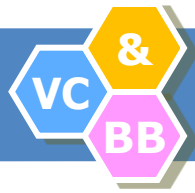
■ Ví điện tử tại server

- Lưu trữ thông tin khách hàng tại server
 - Server của ngân hàng hay nhà phát hành ví điện tử

■ Ví điện tử tại client

- Lưu trữ thông tin tại máy tính của khách hàng
- Cần tải về máy tính phần mềm ví điện tử
- Bất lợi khi người dùng sử dụng 1 máy tính khác





Ví tiền điện tử

❖ Ví dụ

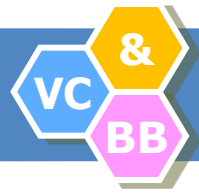
■ Microsoft .NET Passport

- Đăng ký tài khoản tại Hotmail → Passport Account
- Passport Wallet cung cấp chức năng
 - Mẫu chứa thông tin thẻ tín dụng và địa chỉ của người dùng
 - Bảo mật

■ Yahoo!Wallet

- Được dùng để mua hàng trên Yahoo!Store
 - Mua địa chỉ mail với dung lượng lớn, không có quảng cáo
 - Đặt vé bay, đặt phòng khách sạn

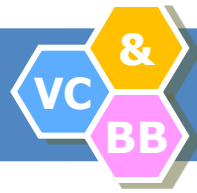




Hỏi và giải đáp

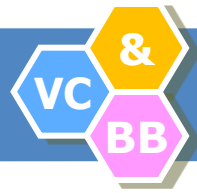
Let's
discuss!!!





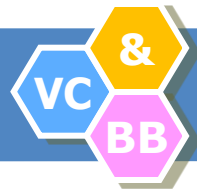
Trắc nghiệm

- ❖ Sử dụng ... khách hàng không cần phải điền các thông tin vào các đơn đặt hàng trực tuyến mà chỉ cần chạy phần mềm trên máy tính
- A. Tiền số hoá
 - B. Tiền điện tử
 - C. Ví điện tử
 - D. Séc điện tử



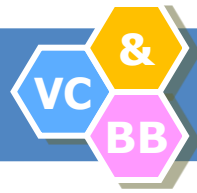
Trắc nghiệm

- ❖ Hệ thống được tạo lập để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các xử lý khác đối với thông điệp dữ liệu được gọi là gì?
- A. Hệ thống thương mại điện tử
 - B. Hệ thống thông tin
 - C. Hệ thống thông tin thương mại và thị trường
 - D. Hệ thống thông tin giao dịch điện tử



Trắc nghiệm

- ❖ Yếu tố nào không thuộc quy trình xác nhận chữ kí điện tử
- A. Thông điệp nhận được
 - B. Khoá bí mật
 - C. Bản tóm lược của thông điệp
 - D. Kết quả so sánh hai bản tóm lược



Trắc nghiệm

- ❖ Đặc điểm nào không phải của mã khoá bí mật
 - A. Khoá để mã hoá và giải mã giống nhau
 - B. Người gửi và người nhận cùng biết khoá này
 - C. Chi phí quản lý loại khoá này thấp và quản lý đơn giản với cả hai bên
 - D. Doanh nghiệp sẽ phải tạo ra khoá bí mật cho từng khách hàng